TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2019/DS-ST
Ngày 29-11-2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi
Các hội thẩm nhân dân: Ông: Nguyễn Quang Vinh
Ông: Lê Văn La

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2019/QĐXXST-DS ngày 11/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2019/QĐST-DS ngày 30/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2019/QĐST-DS ngày 21/11/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thân Thị T, sinh năm 1964 (có mặt)
Nơi cư trú: Số 332 đường H, phố V, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1940 (vắng mặt)
Ông Bùi Ngọc B, sinh năm 1941 (vắng mặt)
Đều cư trú tại: Thôn M, xã T, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Anh Bùi Văn T, sinh năm 1981 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Số 8/27 ngõ 1 Kiệt 228, đường B, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Thân Thị T trình bày***: Ngày 25/8/2011 tôi có cho vợ chồng bà D, ông B vay tổng số nợ gốc là 300.000.000đ, khi vay hai bên không viết giấy biên nhận mà lập hợp đồng chuyển

nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, mục đích để đảm bảo cho việc trả nợ số tiền vay, thời hạn trả nợ trong vòng 1 tháng. Đến hạn tôi đã nhiều lần đòi nhưng vợ chồng ông B, bà D không trả, nên tôi đã khởi kiện ra Tòa án giải quyết, giữa hai bên có biên bản thỏa thuận việc trả nợ. Nhưng kể từ ngày thỏa thuận 13/7/2017 đến nay gia đình ông B, bà D vẫn chưa trả được cho tôi đồng nào.

Nay tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện giải quyết buộc gia đình bà D, ông B phải trả tôi số tiền gốc 300.000.000đ và lãi xuất theo quy định của pháp luật là 0,75% từ ngày vay 26/9/2011 đến nay, tổng lãi là 216.000.000đ.

* ***Bị đơn, bà Nguyễn Thị D, ông Bùi Ngọc B trình bày***: Sự việc vay mượn tiền này từ năm 2011, tôi không nhớ rõ ngày tháng; vợ chồng tôi cũng đã trình bày tại các hồ sơ trước đây. Nay vợ chồng tôi không nhớ rõ, tôi vẫn giữ nguyên quan điểm như trước đây chúng tôi đã trình bày. Vợ chồng tôi không quen biết bà T, không hề vay mượn gì bà T. Chiều hôm đó anh T con rể tôi có cầm bản hợp đồng về nói là ông bà ký cho con một chữ, chúng tôi không biết nội dung là gì, sau đó vợ chồng tôi có ký. Việc vay mượn tiền như thế nào tôi không biết. Biên bản tự thỏa thuận trả nợ ngày 13/7/2017 có sự chứng kiến của con tôi là K, do chúng tôi tự nguyện ký là đúng. Nay vợ chồng tôi không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn T trình bày***: Ngày 25/8/2011 bố mẹ vợ tôi là ông B, bà D có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay chị T là 300.000.000đ lấy tiền đưa cho tôi sử dụng, vì khi đó tôi không thể vay chị T được, vì không có tài sản thế chấp. Nay tôi cam kết đưa cho ông B, bà D toàn bộ số tiền gốc và lãi, để ông B, bà D trả cho chị T.

Tại phiên tòa hôm nay bà T có mặt giữ nguyên yêu cầu trên và trình bày thêm: Khi giao tiền do bà D là người nhận tiền tại nhà chị, có thỏa thuận miệng lãi xuất là 3.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn thanh toán chậm nhất là 1 tháng phải trả cả gốc và lãi xuất. Bà D, ông B, anh T đều vắng mặt.

* Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, bà T, bà D, ông B, anh T trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa hôm nay bà T có mặt; bà D, ông B, anh T đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai. Hướng đề xuất: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị áp dụng Điều 26; 35; 147; 228; 235; 264; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 471; 474; 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2011. Điều 357; 463; 466; 468; 688 Bộ luật Dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử: Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị D, ông Bùi Ngọc B phải có trách nhiệm thanh toán trả bà Thân Thị T 300.000.000đ tiền gốc và 216.000.000đ tiền lãi, tổng cộng cả gốc và lãi là 516.000.000đ (năm trăm mười sáu triệu đồng). Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà D, ông B. Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Thân Thị T, sinh năm 1964, nơi cư trú: Số 332 đường H, phố V, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, khởi kiện đòi trả tiền vay đối với bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1940, ông Bùi Ngọc B, sinh năm 1941, đều cư trú tại: Thôn M, xã T, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nội dung: Ngày 25/8/2011 bà T có cho ông bà D, B vay 300.000.000đ, khi vay không viết giấy biên nhận vay tiền mà lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trong hợp đồng ghi giá chuyển nhượng là 300.000.000đ, đây thực chất không phải là giá bán đất mà là số tiền bà T cho bà D, ông B vay; mục đích lập hợp đồng này là để bảo đảm cho việc trả nợ, thời hạn vay là 1 tháng, thỏa thuận miệng lãi xuất 3.000đ/1 triệu/ 1 ngày. Nay bà T yêu cầu bà D, ông B phải trả 300.000.000đ tiền gốc và lãi xuất theo quy định của pháp luật là 0,75%/ 1 tháng từ ngày 26/9/2011 đến nay tổng tiền lãi là 216.000.000đ. Như vậy đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản, phạm vi khởi kiện là đòi tiền gốc và lãi suất, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

[2] Về nội dung: Ngày 25/8/2011 bà T có cho ông B, bà D vay 300.000.000đ, khi vay không viết giấy biên nhận vay tiền mà viết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trong hợp đồng ghi giá chuyển nhượng là 300.000.000đ.

Tại biên bản tự thỏa thuận trả nợ ngày 13/7/2017. Bà T xác định không có quan hệ gì với gia đình ông B bà D, mà bà T là người hay cho vay tiền; ngày 25/8/2011 bà T có cho ông B, bà D vay 300.000.000đ mục đích ông B, bà D vay để làm gì bà T không biết, khi vay không viết giấy biên nhận vay tiền, mà viết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nội dung như hợp đồng ngày 25/8/2011 đã lưu bản gốc trong hồ sơ); trong hợp đồng ghi giá chuyển nhượng là 300.000.000đ, đây thực chất không phải là giá bán đất mà là số tiền bà T cho bà D, ông B vay, mục đích viết hợp đồng này là để bảo đảm cho việc trả nợ, thời hạn vay là 1 tháng, thỏa thuận miệng lãi xuất là 3.000đ/1 triệu/ 1 ngày. Từ đó vợ chồng ông B, bà D chưa trả bà T tiền gốc và lãi. Nay bà T yêu cầu ông B, bà D phải trả bà T 300.000.000đ tiền gốc và lãi xuất theo quy định của pháp luật là 0,75%/1 tháng từ ngày 26/9/2011 đến nay, tổng lãi là 216.000.000đ.

Tại biên bản thỏa thuận trả nợ ngày 13/7/2017 bà D, ông B xác định bà T trình bày về việc vay tiền như trên là đúng, vợ chồng ông bà có đồng ý ký thế chấp để vay tiền bà T, để cho con rể ông bà là Bùi Văn T sử dụng, nay bà T yêu cầu vợ chồng ông bà trả cho bà T 300.000.000đ tiền gốc và lãi xuất là 0,75%/1 tháng từ ngày 26/9/2011 đến nay vợ chồng ông bà đồng ý. Việc này con rể ông bà đã thừa nhận sử dụng toàn bộ số tiền

trên, nay anh T cam kết sẽ trả vợ chồng ông bà số tiền trên để vợ chồng ông bà trả bà T. Tuy nhiên ngày 04/10/2019 khi làm việc với ông B, bà D thì ông B, bà D không đồng ý trả tiền cho bà T theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

HĐXX xét thấy, căn cứ bản gốc Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25/8/2011 giữa bà D, ông B với bà T và Biên bản thỏa thuận trả nợ ngày 13/7/2017 giữa bà T với bà D, ông B, anh T. Xác định được, do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên hiện bà D, ông B còn nợ bà T 300.000.000đ tiền gốc. Nay bà T yêu cầu vợ chồng bà D, ông B phải có trách nhiệm trả bà T 300.000.000đ tiền gốc và lãi xuất theo quy định của pháp luật là 0,75%/ 1 tháng từ ngày 26/9/2011 đến nay, tổng tiền lãi là 216.000.000đ, xét là phù hợp, có căn cứ. Do vậy cần buộc vợ chồng bà D, ông B phải có trách nhiệm trả bà T 300.000.000đ tiền gốc và 216.000.000đ tiền lãi; tổng cộng cả gốc và lãi là 516.000.000đ. Xét là phù hợp 471; 474; 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2011. Điều 357; 463; 466; 468; 688 Bộ luật Dân sự 2015.

Đối với ý kiến anh T, ông B, bà D tại biên bản thỏa thuận trả nợ ngày 13/7/2017 và ý kiến anh T tại văn bản ngày 21/11/2019 anh T xác định ông B bà D có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền bà T, sau đó đưa tiền cho anh T sử dụng. Nay anh T cam kết sẽ trả tiền cho ông B, bà D để ông B, bà D trả bà T cả gốc và lãi xuất. Như vậy đây là quan hệ pháp luật dân sự khác giữa ông B, bà D với anh T, khi nào ông B, bà D khởi kiện anh T thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Do ông B bà D là người thua kiện, nên lẽ ra ông B, bà D phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông B, bà D thuộc diện người cao tuổi, nên cần áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông B, bà D.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Áp dụng: Điều 26; 35; 147; 228; 235; 264; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 471; 474; 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2011. Điều 357; 463; 466; 468; 688 Bộ luật Dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử:

1/ Buộc buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị D, ông Bùi Ngọc B phải có trách nhiệm trả bà Thân Thị T 300.000.000đ tiền gốc và 216.000.000đ tiền lãi; tổng cộng cả gốc và lãi là 516.000.000đ (năm trăm mười sáu triệu đồng).

2/ Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị D và ông Bùi Ngọc B.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành, mà người phải thi hành án không thi hành, hoặc thi hành chưa xong thì phải chịu

lãi xuất theo mức lãi xuất 10%/ 1 năm đối với khoản tiền chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án.

Án xử sơ thẩm công khai./.

Nơi nhận:
- **TAND tỉnh Bắc Giang.**
- **VKSND huyện Lạng Giang**
- **Chi cục THA huyện Lạng Giang**
- **Các đương sự**
- **Lưu**

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)
Thân Trọng Khôi